

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2017
V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thị Huê**

2. Ông **Phạm Hùng Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 194/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXX-ST ngày 07/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn Đ 1, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn Đ 1, xã D, huyện D, tỉnh Khánh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: bà và ông Huỳnh Văn L tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 1994, đến nay hai bên vẫn chưa có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, giữa bà và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau do ông L ham cờ bạc, có những lời lẽ xúc phạm đến bà, không khí gia đình căng thẳng, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng vẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 03 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 24/6/1995; Huỳnh Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 04/01/2001 và Huỳnh Nhật Khang H, sinh ngày 19/7/2011; cháu T đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu Q và cháu H, bà L có nguyện vọng nuôi hai cháu và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.000.000đ cho mỗi con chung. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 12/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày: ông và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, giữa ông và bà L có hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tuy nhiên đó chỉ là những tranh cãi nhỏ trong gia

đình. Nay, bà L yêu cầu ly hôn, ông L không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà Liên, ông Lợi mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau để chăm lo cho các con chung.

Về con chung: ông L xác định giữa ông và bà L có 03 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 24/6/1995; Huỳnh Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 04/01/2001; Huỳnh Nhật Khang H, sinh ngày 19/7/2011, đối với cháu T đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng cháu Q và cháu H, nếu Tòa giải quyết cho ông và bà L ly hôn, ông L có nguyện vọng được nuôi cháu Q và cháu H, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông L xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bà L yêu cầu ly hôn với ông L, về con chung: bà L yêu cầu nuôi cháu Q và cháu H, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung; bị đơn ông L vẫn giữ nguyên ý kiến, ông L không đồng ý ly hôn, về con chung: ông L đồng ý giao cháu Q, cháu H cho bà L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: ông L và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu T giải quyết, về nợ chung: ông L và bà L đều xác định không có.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông L và bà L là vợ chồng; về con chung: giao cháu Q và cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: ông L và bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: ông L và bà L đều xác định không có nên không xem xét; về án phí: bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

1. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, có đủ cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, giữa hai bên đã có 03 con chung với nhau là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 24/6/1995; Huỳnh Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 04/01/2001 và Huỳnh Nhật Khang H, sinh ngày 19/7/2011. Quá trình chung sống, bà L và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mặt khác, bà L và ông L chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, tuyên bố không công nhận bà L và ông L là vợ chồng.

2. Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L và ông L đều xác nhận, giữa ông L và bà L có 03 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 24/6/1995; Huỳnh Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 04/01/2001; Huỳnh Nhật Khang H, sinh ngày 19/7/2011. Đối với cháu T đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng cháu Q và cháu H, bà L và ông L đều thống nhất, giao cháu Q và cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét

sự thỏa thuận trên không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Qn muốn ở với bà L (thể hiện tại bản tự khai của cháu Q vào ngày 12/6/2017 ở hồ sơ vụ án) và hiện bà L cũng đang là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và cháu H, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của ông L và bà L.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà L và ông L đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng Điều 14; Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Huỳnh Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Nguyễn Trúc Q, sinh ngày 04/01/2001 và Huỳnh Nhật Khang H, sinh ngày 19/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; ông Huỳnh Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà Liên đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018116 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

